

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023  
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,  
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến*

năm 2025; số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 330/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa; số 371/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 phân bổ nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); số 398/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về phân bổ nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2); số 435/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3);

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa; số 1181/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); số 2627/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2);

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 55/TTr-BDT ngày 06/10/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 3), với các nội dung chủ yếu sau:

**\* Tổng số vốn sự nghiệp năm 2023**

- Tổng nguồn vốn Trung ương giao: 449.083 triệu đồng.
- Tổng số vốn đã phân bổ đợt 1 (tại Nghị quyết số 371/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh): 331.289 triệu đồng.
- Tổng số vốn đã phân bổ đợt 2 (tại Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh): 37.286,2 triệu đồng.
- Tổng số vốn còn lại chưa phân bổ: 80.507,8 triệu đồng.

**1. Tổng số vốn phân bổ đợt này (đợt 3): 23.617 triệu đồng, bao gồm:**

**a) Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 23.106 triệu đồng.

\* *Nguyên tắc phân bổ:* Phân bổ 100% vốn cho các huyện thực hiện nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán; áp dụng phương pháp tính điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: cứ 01 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán được tính 0,03 điểm.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).*

**b) Dự án 2:** Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 511 triệu đồng.

\* *Nguyên tắc phân bổ:* Phân bổ 100% vốn cho Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Áp dụng phương pháp tính điểm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm 0,1 điểm.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).*

**2. Tổng số vốn còn lại chưa phân bổ: 56.890,8 triệu đồng, gồm:**

**a) Tiểu dự án 1, Dự án 3:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân: 53.390,8 triệu đồng.

**b) Tiểu dự án 2, Dự án 5:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3.500 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 01 và Phụ lục tổng hợp kèm theo).*

**3. Nguồn vốn thực hiện**

Từ nguồn vốn sự nghiệp Trung ương giao năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2551/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ Tài chính.

*(Chi tiết tại Phụ biểu tổng hợp kèm theo).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Dân tộc, Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

2. Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện để tổ chức thực hiện; thẩm định dự toán chi tiết và thông báo bổ sung dự toán kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh thực hiện. Căn cứ nguồn vốn được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thực hiện giao chi tiết đến từng dự án, tiểu dự án, mục tiêu, nội dung cụ thể theo quy định.

3. Ban Dân tộc, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, tiểu dự án.

4. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chủ động phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình và cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện đúng quy định; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, công khai, dân chủ, có hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả về Ban Dân tộc, Sở Tài chính; đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các dự án, tiểu dự án.

5. Đối với nguồn vốn còn lại chưa phân bổ, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Các sở, ngành, địa phương thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; việc lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước, có mục tiêu và nội dung đầu tư sát đúng với mục tiêu và nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với các văn bản quy định liên quan. Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện. Việc huy động và lồng ghép tránh chồng chéo, trùng lặp; quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Các bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VX, KTTC (TĐN55594).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tuấn**

## Phụ lục 01

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Vốn Trung ương giao năm 2023 chưa phân bổ	Vốn phân bổ đợt này (đợt 3)	Vốn còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4
	<b>Tổng số</b>	<b>80.507,8</b>	<b>23.617</b>	<b>56.890,8</b>	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	23.106	23.106		Chi tiết tại phụ lục 02
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	511	511		Chi tiết tại phụ lục 03
3	Tiểu dự án 1, Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.	53.390,8		53.390,8	
4	Tiểu dự án 2, Dự án 5: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	3.500		3.500	

**Phụ lục 02****PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		Tổng điểm dự án	Vốn phân bổ năm 2023
		Số hộ	Số điểm (0,03 điểm/hộ)		
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>SỐ VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO</b>				<b>46.215</b>
<b>II</b>	<b>SỐ VỐN ĐÃ PHÂN BỐ (ĐỢT 2)</b>				<b>23.109</b>
<b>III</b>	<b>SỐ VỐN PHÂN BỐ ĐỢT NÀY (ĐỢT 3)</b>	<b>9.325</b>		<b>279,75</b>	<b>23.106</b>
1	Huyện Mường Lát	587	0,03	17,61	1.455
2	Huyện Quan Hóa	1.503	0,03	45,09	3.723
3	Huyện Quan Sơn	1.319	0,03	39,57	3.267
4	Huyện Bá Thước	2.069	0,03	62,07	5.127
5	Huyện Lang Chánh	755	0,03	22,65	1.872
6	Huyện Ngọc Lặc	499	0,03	14,97	1.236
7	Huyện Cẩm Thủy	167	0,03	5,01	414
8	Huyện Thường Xuân	1.344	0,03	40,32	3.330
9	Huyện Như Xuân	519	0,03	15,57	1.287
10	Huyện Như Thanh	204	0,03	6,12	504
11	Huyện Thạch Thành	307	0,03	9,21	762
12	Huyện Thọ Xuân	23	0,03	0,69	57
13	Huyện Hà Trung	16	0,03	0,48	39
14	Thị xã Nghi Sơn	13	0,03	0,39	33

## Phụ lục 03

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 THỰC HIỆN DỰ ÁN 2:  
 QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỔ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

*Đvt: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tổng vốn sự nghiệp của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</b>	<b>Dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu được tính 0,1 điểm</b>	<b>Phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm 0,1 điểm</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Phân bổ vốn năm 2023</b>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>I</b>	<b>TỔNG VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO</b>					<b>511</b>
<b>II</b>	<b>SỐ VỐN PHÂN BỐ ĐỢT NÀY (ĐỢT 3)</b>	<b>2.240</b>	<b>0,1</b>	<b>22,3</b>	<b>22,4</b>	<b>511</b>
1	Huyện Quan Sơn	2.240	0,1	22,3	22,4	511



**Phụ lục tổng hợp**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO**  
**DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (ĐỢT 3).**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

*Đvt: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng số	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần	
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
A	B	I	2	3
<b>I</b>	<b>SỐ VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO NĂM 2023 CHƯA PHÂN BỐ</b>	<b>80.507,8</b>		
<b>II</b>	<b>SỐ VỐN PHÂN BỐ ĐỢT NÀY (ĐỢT 3)</b>	<b>23.617</b>	<b>23.106</b>	<b>511</b>
1	Huyện Mường Lát	1.455	1.455	
2	Huyện Quan Hóa	3.723	3.723	
3	Huyện Quan Sơn	3.778	3.267	511
4	Huyện Bá Thước	5.127	5.127	
5	Huyện Lang Chánh	1.872	1.872	
6	Huyện Ngọc Lặc	1.236	1.236	
7	Huyện Cẩm Thủy	414	414	
8	Huyện Thường Xuân	3.330	3.330	
9	Huyện Như Xuân	1.287	1.287	

TT	Đơn vị	Tổng số	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần	
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, bố trí, sắp xếp ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
10	Huyện Như Thanh	504	504	
11	Huyện Thạch Thành	762	762	
2	Huyện Thọ Xuân	57	57	
13	Huyện Hà Trung	39	39	
14	Thị xã Nghi Sơn	33	33	
<b>III</b>	<b>SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ (I – II)</b>	<b>56.890,8</b>		